

Mã chương 088 Ủy ban sông Mê Công Việt Nam
Mã ĐVQHNS: 1059155

PHỤ LỤC
THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NĂM 2020
(Kèm theo văn bản số 46 /UBMC ngày 22/ 4 /2022 của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam)

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản

1.1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước

Tổng số dự toán kinh phí nhà nước cấp chi quản lý nhà nước (Loại 340 khoản 341) là 45.133.757.396 đồng, tổng số quyết toán là 42.058.523.735 đồng đồng.

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam được giao sử dụng dự toán kinh phí năm 2020 là 3.317.757.396 đồng trong đó bao gồm:

- Kinh phí tự chủ năm 2019 chuyển sang là: 3.757.396 đồng
- Dự toán kinh phí giao đầu năm 2020 là 3.314.000.000 đồng

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã chi tiêu kinh phí thực hiện chế độ tự chủ với số quyết toán là 3.097.936.643 đồng.

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam được giao dự toán kinh phí là 27.116.000.000 đồng để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù. Tổng số quyết toán cho các nhiệm vụ này là 25.499.587.092 đồng, chi tiết như sau:

- Đóng góp niên liễn cho Ủy hội sông Mê Công quốc tế kinh phí đã đóng góp là 1.091.091 USD tương đương với số quyết toán là 25.275.123.015 đồng.
- Kinh phí đóng góp quản lý trụ sở, nâng cấp trang thông tin điện tử, số quyết toán là 224.464.077 đồng

1.2. Thực hiện các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao

Bộ Tài chính đã kiểm tra phân bổ kinh phí chi các hoạt động kinh tế (Loại 228 khoản 332, kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ) để thực hiện các nhiệm vụ là 14.700.000.000 đồng, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã tổ chức thực hiện khối lượng công việc với tổng số quyết toán cho các nhiệm vụ đã hoàn thành đề ra trong năm 2020 là 13.461.000.000 đồng.

2. Những công việc phát sinh trong năm

Ngoài những nhiệm vụ thường xuyên được giao, trong năm 2020 Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Thủ tướng Chính phủ giao: báo cáo về các vấn đề liên quan đến hợp tác Mê Công; phối hợp với các Bộ ngành giải quyết các mâu thuẫn sử dụng tài nguyên nước xuyên biên giới, giám sát nguồn nước sông Mê Công chảy vào Việt Nam; kiện toàn Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, trong đó Ủy ban được giao thêm nhiệm vụ về tổ chức lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Sê San – Srêpôk.

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

- Trong năm 2020, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã thực hiện cắt giảm, tiết kiệm dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ là 1.993 triệu đồng.

- Quyết toán giảm hơn so với dự toán được sử dụng là 1.082.233.661 đồng là do các nguyên nhân sau đây: Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 khoản 341) là 956.412.908 đồng do không thực hiện tổ chức hội nghị, đoàn ra do ảnh hưởng của đại dịch covid 19.

Đối với kinh phí thực hiện chế độ tự chủ số dư tại Kho bạc là 125.820.753 đồng được phép chuyển năm sau tạo nguồn cải cách tiền lương.

II. Nguồn NSNN trong nước

2.1. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.757.396 đồng

2.2. Dự toán được giao trong năm: 45.130.000.000 đồng

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 3.314.000.000 đồng (Loại 340-341)

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 41.816.000.000 đồng

+ Loại 340-341: 27.116.000.000 đồng

+ Loại 280-332: 14.700.000.000 đồng

2.3. Kinh phí được sử dụng trong năm: 45.133.757.396 đồng

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 3.317.757.396 đồng (Loại 340-341)

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 41.816.000.000 đồng

+ Loại 340-341: 27.116.000.000 đồng

+ Loại 280-332: 14.700.000.000 đồng

2.4. Kinh phí thực nhận trong năm: 42.058.523.735 đồng

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 3.097.936.643 đồng (Loại 340-341)

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 38.960.587.092 đồng
- + Loại 340-341: 25.499.587.092 đồng
- + Loại 280-332: 13.461.000.000 đồng

2.5. Kinh phí quyết toán: 42.058.523.735 đồng

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 3.097.936.643 đồng (Loại 340-341)
- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 38.960.587.092 đồng
- + Loại 340-341: 25.499.587.092 đồng
- + Loại 280-332: 13.461.000.000 đồng

2.6. Kinh phí giảm trong năm (hủy dự toán): 2.949.412.908 đồng

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 94.000.000 đồng (Loại 340-341)
- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 2.855.412.908 đồng
- + Loại 340-341: 1.616.412.908 đồng
- + Loại 280-332: 1.239.000.000 đồng

Thuyết minh số kinh phí hủy bao gồm:

+ Kinh phí tiết kiệm theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ là 1.993.000.000 đồng

+ Kinh phí một số nhiệm vụ không thực hiện được do dịch Covid-19 (chi đoàn ra, chi tổ chức hội nghị, hội thảo ...), hủy dự toán là 956.412.908 đồng.

2.7. Số dư kinh phí được chuyển năm sau: 125.820.753 đồng.

III. Thuyết minh khác

1. Chi tiền lương

- Chi tiền lương công chức 1.921.345.838 đồng
- Chi tiền lương nhân viên hợp đồng lao động 87.978.680 đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiết	Năm 2020
1	Bổ sung thu nhập cho CBCC và người lao động	345.959.524
2	Chi khen thưởng	29.055.000
3	Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể	19.760.008
4	Tổng số đã sử dụng kinh phí tiết kiệm	394.774.532

2. Chi NSNN bằng ngoại tệ

Tổng số ngoại tệ đã chi bằng nguồn NSNN thực chi dự toán tại kho bạc là: 1.091.091 USD tương đương với số đồng Việt Nam là 25.275.123.015 đồng, thực hiện đóng góp niên liêm cho Ủy hội sông Mê Công quốc tế./.